

Mật Tạng Bộ 2 \_ No.1010 (Tr. 679\_ Tr.680)

**PHẬT NÓI**  
**XUẤT SINH VÔ BIÊN MÔN ĐÀ LA NI NGHI QUỸ**

Hán dịch: Tam Tạng **BẤT KHÔNG**

Việt dịch: HUYỀN THANH

**Chân Ngôn** như Kinh

Người tu hành **Xuất Sinh**

**Vô Biên Môn Tổng Trì**

Chuyển chia ba loại nghiệp

Y ba Môn bí mật

Ấy là ba Kim Cương

Thân Ngữ Ấn Chân Ngôn

Tâm trụ Tam Ma Địa

Do vào ba Bình Đẳng

Khéo trụ Du Già nên

Thân mình đồng Bản Tôn

Tại Phàm thành Chính Giác

Pháp này rất sâu kín

**Đại Nhật Kinh Vương** nói

Hàng **Nhất Sinh Bồ Xứ**

Chẳng biết cảnh giới ấy

Hướng người kém Tuệ khác

Như được ngọc Luân Vương

Giữ kín chẳng vọng nói

Tôn đó tức **Yết Ma**

**Ba La Mật Bồ Tát**

Do trụ **Xuất Sinh** nên

Bày hình nữ nhỏ tuổi

Hiển rõ Đại Từ Mẫu

Chư Phật trụ Trí đó

Hay hiện khắp Sắc Thân

Ở Tâm Đại Bồ Đề

Kiết Già trên đài sen

Đại Ấn, mọi uy nghi

Đồng **Bất Không Thành Tựu**

Tướng trạng của **Như Lai**

Định Vũ (tay trái) Kim Cương Quyền

Ngang tim cầm hoa sen  
Để **Bát Nhã Phạm Giáp** (Tập kinh Bát Nhã bằng tiếng Phạn)  
Tuệ Vũ (tay phải) tướng **Thuyết Pháp**  
Dương chưởng duỗi năm Luân (5 ngón tay)  
Nhấn phong (đầu ngón giữa) hiện **Yết Ma**  
**Thập Tự Kim Cương Luân**  
Đội mào năm Như Lai  
Khắp thân màu cỏ xanh  
Lại ở chi phần thân  
An bày tám Tự Môn

Chữ **Bả** (𑖃\_PA) trụ ở tim

Chữ **La** (𑖗\_LA) thành Hào Tướng (lông mày xoắn ở tam tinh)

Chữ **Phộc** (𑖔\_BA) để đầu lưỡi

Chữ **Nhạ** (𑖕\_JA) để ở đầu  
Xanh biếc thành Đỉnh Tướng (tướng của đỉnh đầu)

Chữ **Ca** (𑖖\_KA) để Tuệ Chưởng (lòng bàn tay phải)  
Duyên **Sắc** thành **Yết Ma**  
**Thập Nhị Duyên Hành Luân**

Chữ **Đà** (𑖘\_DHA) vàng, lòng tay trái  
Thành **Hoa Bát Nhã Giáp**

Chữ **Xa** (𑖙\_SA) an Quán Túc (bàn chân phải)

**Khất-xoa** (𑖚\_KṢA) để Chỉ Túc (bàn chân trái)

Năm chữ đều trắng sáng  
Như tuyết, sữa, ngỗng, trắng  
Chữ đó thành **Luân Tướng**  
**Tam Ma Gia Mật Ấn**  
Gia trì Đỉnh Ấn là  
Pháp thứ tự trước sau  
Đồng Nghi Quỹ các Bộ  
Tám mươi câu chi Phật  
Vây quanh Tôn đó, trụ  
Lại có tám **Bồ Tát**

An trụ ở tám phương  
Cùng với tám **Dược Xoa**  
Bốn **Nhiếp**, tám **Cúng Đường**  
Thứ tự mà an bày  
Thánh **Bí Mạn Đà La**  
Tụng trì Chân Ngôn Kinh  
Chỗ thành như Bản Giáo  
Tu hành các Nghi Tắc  
Kết Tập, quyết chọn xong

### XUẤT SINH VÔ BIÊN MÔN ĐÀ LA NI NGHI QUỸ (Hết)

- ॐ PA (Thắng Nghĩa)  
ॐ LA (Vì không có tướng tùy nét đẹp của hình nên là Pháp Thân)  
ॐ BA (Pháp Ngu Phu, Pháp Thánh Nhân không có hai)  
ॐ JA (Không có sinh, không có diệt)  
ॐ KA (Chẳng phải Dị Thục của Nghiệp)  
ॐ DHA (Pháp yếu của Đà La Ni, Không, Vô Tướng, Vô Nguyên tùy nhập vào Pháp Giới)  
ॐ SA ( Chẳng phải Xa Ma Tha, Tỳ Bát Xá Na, tất cả Pháp tùy nhập vào Chân Như)  
ॐ KṢA (Tất cả Pháp sát na không có tận không có khác, không có thân, vốn lặng cho nên tùy nhập vào tất cả Pháp Niết Bàn)

Nguyên Lộc, năm thứ mười sáu, tháng Giêng, ngày 29  
Dùng bản của **TỊNH NGHIÊM** Thượng Nhân, đối chiếu kiểm tra xong  
**TÔN GIÁO**

21/03/2009